

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH CHĂN NUÔI

CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)

CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ THÚC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TY03014 - VỆ SINH THÚ Y 1

(Veterinary Hygiene 1)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Tín chỉ: 2 (Lý thuyết 1,5 – Thực hành 0,5)
- Tự học: 6 tín chỉ
- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22 tiết
 - + Làm bài tập trên lớp: 0 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 4,0 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 16 tiết (tương đương 8 tiết chuẩn)
- Tự học: 90 tiết (theo kế hoạch cá nhân hoặc hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Thú y Cộng đồng
 - Khoa: Thú y
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input type="checkbox"/>			
		CN1		CN2		CN1		CN2	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành: TY03011- Ký sinh trùng thú y 1
- Học phần tiên quyết: CN02303- Sinh lý động vật 1
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành chuyên môn về việc áp dụng các nguyên lý khoa học nhằm thiết lập, duy trì môi trường sống phù hợp với động vật nuôi, giảm thiểu các yếu tố rủi ro do tác động bất lợi của môi trường vì mục đích nâng cao năng suất chăn nuôi, chất lượng vệ sinh thực phẩm, phòng chống dịch bệnh. Rèn luyện khả năng tự học, có khả năng áp dụng các nguyên tắc vệ sinh thú y trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến thực phẩm nguồn gốc động vật.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
TY03014	Vệ sinh thú y 1	P	R					
		CDR 8	CDR 9	CDR 10	CDR 11	CDR 12	CDR 13	CDR 14
		R						

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng các nguyên tắc về vệ sinh môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất, môi trường chuồng trại vào việc xây dựng môi trường tiêu khí hậu đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho động vật nuôi, đồng thời có biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí.	CDDR02: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
K2	Mô tả quy trình phân tích các chỉ tiêu môi trường không khí, môi trường nước.	CDR03: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
Kỹ năng		
K3	Phân tích chỉ tiêu NH ₃ , H ₂ S, CO, COD	CDDR11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K4	Thái độ chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y.	CDR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
K5	Tuân thủ quy định của môn học, trường học	CDDR12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TY03014 - Vệ sinh thú y 1 (Veterinary Hygiene 1). (Tổng số tín chỉ: 02, Tổng số tín chỉ lý thuyết 1.5 – Tổng số tín chỉ thực hành 0.5 – Tổng số tín chỉ tự học 03)

Các nguyên lý khoa học về vệ sinh môi trường không khí, nước, đất ứng dụng trong chăn nuôi động vật, giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến thực phẩm nguồn gốc động vật vì mục đích bảo vệ sức khỏe động vật nuôi, phòng chống dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm thực phẩm. Các nguyên lý khoa học về vệ sinh chuồng trại, vệ sinh chăm sóc nuôi dưỡng, vệ sinh giết mổ.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

Giao nội dung học tập để sinh viên chuẩn bị và thảo luận trên lớp. Hướng dẫn thực hành tại phòng thí nghiệm và đánh giá kết quả báo cáo thu hoạch.

2. Phương pháp học tập

Dự lớp lý thuyết, chuẩn bị chuyên đề thảo luận trên lớp. Tham gia thực hành, viết báo cáo thu hoạch.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải dự lớp đủ thời gian quy định.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc trước nội dung bài giảng Vệ sinh thú y 1.
- Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia chuẩn bị chuyên đề để thảo luận trên lớp.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia đầy đủ các bài thực hành trong phòng thí nghiệm, làm báo cáo thu hoạch cá nhân.
- Thi giữa kỳ: trong quá trình học lý thuyết sẽ có ít nhất 01 bài kiểm tra đột xuất thời gian từ 10 đến 30 phút (dạng bài tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai)
- Thi cuối kỳ: sinh viên phải dự thi hết môn theo hình thức thi viết dạng bài tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc kết hợp cả hai sau khi đã hoàn thành các nội dung trên.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Rubric 1: 10 %
- Rubric 2: 30 %
- Rubric 3: 60 %

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMĐ được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Rubric 1. Chuyên cần	K5, K6	10	Tuần 1 – 7
Rubric 2. Kiểm tra giữa kỳ	K1, K2	30	Tuần 4 – 5
Rubric 3. Kiểm tra cuối kỳ	K1, K2	60	Theo lịch của Ban quản lý đào tạo

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	10 điểm	9 điểm	8 điểm	7 điểm	Không đủ điều kiện thi
Thời gian tham dự lớp và thái độ học tập và thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài	<ul style="list-style-type: none"> - Tham dự đủ các buổi học trên lớp và thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài - Nghỉ 1 buổi học trên lớp (2-3 tiết), tham dự đủ các buổi thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau: - Tham dự đủ các buổi học trên lớp và thực hành - Nghỉ 1 buổi học trên lớp (2-3 tiết), tham dự đủ các buổi thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> Đáp ứng 1 trong hai điều kiện sau: - Nghỉ 1 buổi học trên lớp, tham dự đủ các buổi thực hành - Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các buổi thực hành, tham gia phát biểu, xây dựng bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghỉ 2 buổi học trên lớp, tham dự đủ các buổi thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> 1 trong hai điều kiện sau: - Nghỉ quá 25% số buổi học trên lớp (trên 2 buổi) - Không tham dự đủ các buổi thực hành

Ghi chú: Sinh viên đi muộn 1 buổi trừ 0,5 điểm chuyên cần

Rubric 2: Đánh giá giữa kì

Thi giữa kì: trắc nghiệm

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
-------------------	--	--

Vệ sinh môi trường không khí trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày được các chỉ tiêu vật lý, hóa học, vi sinh vật học của môi trường không khí. Chỉ báo 2: Thực hành phân tích khí H ₂ S, NH ₃ có trong không khí chuồng nuôi tại phòng thí nghiệm. Chỉ tiêu 3: Xác định tiêu chuẩn vệ sinh của các chỉ tiêu khí độc trong chuồng nuôi	K1, K2
Vệ sinh môi trường nước trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày chất lượng các nguồn nước trong tự nhiên. Chỉ báo 2: Định nghĩa các khái niệm DO, COD, BOD, độ cứng. Chỉ báo 3: Xác định tiêu chuẩn vệ sinh nước sử dụng trong chăn nuôi Chỉ báo 4: Mô tả các biện pháp xử lý nước.	K1, K2

Rubric 3: Đánh giá cuối kì

Thi cuối kì: tự luận

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Vệ sinh môi trường không khí trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày được các chỉ tiêu vật lý, hóa học, vi sinh vật học của môi trường không khí. Chỉ báo 2: Thực hành phân tích khí H ₂ S, NH ₃ có trong không khí chuồng nuôi tại phòng thí nghiệm. Chỉ tiêu 3: Xác định tiêu chuẩn vệ sinh của các chỉ tiêu khí độc trong chuồng nuôi	K1, K2
Vệ sinh môi trường nước trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày chất lượng các nguồn nước trong tự nhiên. Chỉ báo 2: Định nghĩa các khái niệm DO, COD, BOD, độ cứng. Chỉ báo 3: Trình bày chỉ tiêu vi sinh vật trong môi trường nước Chỉ báo 4: Xác định tiêu chuẩn vệ sinh nước sử dụng trong chăn nuôi Chỉ báo 4: Mô tả các biện pháp xử lý nước.	K1, K2
Vệ sinh môi trường đất trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Trình bày các nguyên tố khoáng có mặt trong đất. Chỉ báo 2: Trình bày sự phân bố của vi sinh vật trong môi trường đất và các yếu tố ảnh hưởng.	K1, K2

Vệ sinh chuồng nuôi, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật.	Chỉ báo 1: Phân tích những nguyên lý cơ bản khi xây dựng, thiết kế chuồng trại, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật. Chỉ báo 2: Ứng dụng những nguyên lý cơ bản để lựa chọn địa điểm, vật liệu, khoảng cách phù hợp khi xây dựng.	K1, K2
---	--	--------

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự các bài thi: Không tham gia kiểm tra/thi bài nào sẽ mất điểm bài đó.
- Sinh viên không tham dự đủ các buổi thực hành sẽ không đủ điều kiện dự thi.
- Yêu cầu về đạo đức: Mọi gian lận trong học tập (VD: điểm danh hộ, nhờ người đi học hộ) và thi cử (VD: sử dụng tài liệu/vật dụng không được phép, nhìn bài, trao đổi khi làm bài) sẽ bị xử lý theo quy chế chung.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Giáo trình/bài giảng:

1. Phạm Hồng Ngân, Lại Thị Cúc. (2018). Bài giảng Vệ sinh thú y 1. Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 108 tr.
2. Nguyễn Thị Bích Yên, Đoàn Văn Điểm, Trần Thanh Vân (2015). Giáo trình khí tượng đại cương. NXB Đại học Nông nghiệp.

- Các tài liệu khác:

1. Vũ Đình Tôn, Lại Thị Cúc, Nguyễn Văn Duy, Đặng Vũ Bình (2008). Chất lượng nước dùng trong trang trại chăn nuôi lợn tại đồng bằng Sông Hồng. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. Số 3 – 2018, tr 279-284.
2. Tiêu chuẩn ngành thú y (2016)

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1-3	Chương 1. Vệ sinh môi trường không khí cơ sở chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (8 tiết) Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết) <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Khái niệm và ý nghĩa vệ sinh môi trường không khí 1.2. Tính chất vật lý của môi trường không khí và vệ sinh môi trường tiêu khí hậu 1.2.1. Đại cương về môi trường không khí 	K1, K2, K3, K5, K6

	<p>1.2.2. Tính chất vật lý của môi trường không khí và vệ sinh môi trường tiêu khí hậu chuồng nuôi</p> <p>1.2.3. Vệ sinh môi trường tiêu khí hậu cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>1.3. Tính chất hóa học của môi trường không khí, vệ sinh phòng chống khí độc</p> <p>1.3.1. Thành phần hóa học của không khí</p> <p>1.3.2. Vệ sinh phòng chống khí độc</p> <p>1.4. Tính chất sinh vật của môi trường không khí, vệ sinh phòng chống ô nhiễm vi sinh vật</p> <p>1.5. Thực tập, bài tập, thảo luận</p> <p>Nội dung thuyết trình/thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Chuyên đề: Ô nhiễm môi trường không khí và hậu quả</p>	
4-6	<p>Chương 2. Vệ sinh môi trường nước dùng trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (8 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (6 tiết)</p> <p>Vai trò của nước đối với sản xuất và cơ thể động vật</p> <p>1. Các nguồn nước trong tự nhiên và khả năng tự làm sạch của nước</p> <p>1.1. Các nguồn nước tự nhiên và chất lượng vệ sinh</p> <p>1.1.2. Khả năng tự làm sạch của nước</p> <p>1.2. Tính chất vật lý của nước</p> <p>1.3. Tính chất hóa học của nước và các chất độc tồn dư trong nước</p> <p>1.3.1. Tính chất hóa học của nước</p> <p>1.3.2. Tồn dư chất độc trong nước</p> <p>1.4. Tính chất sinh vật học của nước</p> <p>1.5. Biện pháp xử lý nước dùng trong chăn nuôi, giết mổ</p> <p>1.6. Thực tập, bài tập, thảo luận</p> <p>Nội dung thuyết trình/thảo luận: (2 tiết)</p> <p>Chuyên đề: Ô nhiễm môi trường nước và hậu quả</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (15 tiết)</p>	K1, K2, K3, K5, K6

	Thực trạng ô nhiễm nguồn nước ở Việt Nam, giải pháp khắc phục	
7	<p>Chương 3. Vệ sinh môi trường đất</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>3.1. Khái niệm và ý nghĩa vệ sinh môi trường đất</p> <p>3.2. Tính chất vật lý của đất</p> <p>3.2. Tính chất hóa học của đất quan hệ với đời sống động vật</p> <p>3.3. Tính chất sinh vật học của đất</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (8 tiết)</p> <p>Tìm hiểu về tình hình ô nhiễm môi trường đất ở nước ta hiện nay</p>	K1, K5, K6
7	<p>Chương 4. Vệ sinh chuồng nuôi, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>A/Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết)</p> <p>Nội dung GD lý thuyết: (3 tiết)</p> <p>1.1. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng chuồng trại, cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>1.1.1. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng chuồng trại</p> <p>1.1.2. Các nguyên tắc vệ sinh xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm động vật</p> <p>1.2. Vật liệu xây dựng</p> <p>1.3. Ánh sáng và thông thoáng</p> <p>B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (7 tiết)</p> <p>Tìm hiểu mô hình trang trại, cơ sở giết mổ chế biến sản phẩm động vật ở địa phương</p>	K1, K5, K6

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: có đủ không gian, tủ hút hóa chất, thiết bị dụng cụ và vật tư tối thiểu cho việc dạy và học
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: có máy chiếu đa phương tiện, kết nối internet (LAN/wifi), hệ thống loa/micro và bảng viết (bút/phản). Tất cả đều phải được bảo trì thường xuyên và luôn trong điều kiện hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: bảng flipchart và giấy bút dùng cho việc báo cáo chuyên đề và thảo luận của sinh viên.
- E-learning

X. Các đợt cài tiến

(43)

Lần 1 (7/2017):

- Chỉnh sửa lại kết quả mong đợi của học phần theo ma trận của CTĐT

Lần 2 (7/2018):

- Rà soát theo đúng mẫu đề cương chi tiết

Lần 3 (7/2019):

- Cập nhật tài liệu tham khảo

Lần 4 (7/2020):

- Cập nhật rubric đánh giá chuyên cần

Lần 5 (7/2021)

- Cập nhật tài liệu tham khảo

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hường

GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Văn Cường

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)

Bùi Trần Anh Đào

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hoàng Minh Đức

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phạm Hồng Ngân	Học hàm, học vị: PGS.TS.
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 04. 6261.7685, đđ: 0912.288.450
Email: phngan@vnua.edu.vn hoặc phngan2001@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq: 04. 6261 7685, đđ: 0981.689.696
Email: nguyentrang1611@gmail.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Cam Thị Thu Hà	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq: 04. 6261 7685 đđ: 0961 927288
Email: cttha@vnua.edu.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Hoàng Minh Đức	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng	Điện thoại: cq: 04. 6261 7685, đđ:

đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	0982.649.386
Email: ducvetmed@yahoo.com	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Vũ Thị Thu Trà	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Phòng 108, Bộ môn Thú y Cộng đồng, Khoa Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ - Gia Lâm – Hà Nội	Điện thoại: cq 04. 6261 7685, đđ: 0866173680
Email: thutra_ty48C@yahoo.com.vn	Trang web:
Cách liên lạc với giảng viên: theo thứ tự ưu tiên email – điện thoại (SMS, gọi) – gặp trực tiếp	